| BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| Số: 252 /QĐ-BVHTTDL | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

*Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2019*

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 987
Ngày: 14/3/19
Chuyển: TTCBTH

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch tính đến ngày 31/12/2018**

## BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tính đến ngày 31/12/2018 *(Có các Danh mục kèm theo)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng *(để báo cáo);*
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở VHTTDL; Sở VH&TT, Sở DL các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Lưu: VT, PC, NTT (200)

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Trịnh Thị Thủy**

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH MỤC
## Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2018

*(Ban hành theo Quyết định số 252/QĐ-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

## A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2018

| STT | Tên loại văn bản | Số, kí hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---|---|---|---|---|---|
| **I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ** | | | | | |
| **LĨNH VỰC VĂN HÓA** | | | | | |
| **Văn bản của Chính phủ** | | | | | |
| 1 | Nghị định | Số 18/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 | Quy định về lập và hoạt động của các cơ sở văn hóa, giáo dục nước ngoài tại Việt Nam | Bị thay thế bởi Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam | 05/11/2018 |
| 2 | Nghị định | Số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 | Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan | Bị thay thế bởi Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan | 10/4/2018 |
| 3 | Nghị định | Số 85/2011/NĐ-CP ngày 20/9/2011 | Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị | Bị thay thế bởi Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 | 10/4/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | định số 100/2006/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan | quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan | |
| 4 | Nghị định | Số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 | Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh | Bị thay thế bởi Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh | 15/02/2019 |
| **Văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành** | | | | | |
| 5 | Thông tư liên Bộ | Số 1314-TTLB/XD-VH ngày 23/7/1991 | Quy định về quyền tác giả của tác phẩm kiến trúc | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 01/12/2018 |
| 6 | Quyết định | Số 2262/1998/QĐ-BVHTT ngày 15/10/1998 | Ban hành giá thiết kế phí công trình nghệ thuật | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn | 01/12/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 7 | Thông tư liên tịch | Số 04/2003/TTLT-BVHTT-BXD ngày 24/01/2003 | Hướng dẫn về quyền tác giả đối với tác phẩm kiến trúc | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 01/12/2018 |
| 8 | Thông tư liên tịch | Số 06/2007/TTLT-BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28/02/2007 | Hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép thực hiện quảng cáo một cửa liên thông | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 01/12/2018 |
| 9 | Thông tư liên tịch | Số 85/2008/TTLT-BVHTTDL-BTTTT ngày 18/12/2008 | Hướng dẫn cấp phép, đăng ký, thực hiện quảng cáo trên báo chí, mạng thông tin máy tính, xuất bản phẩm và công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 01/12/2018 |
| 10 | Thông tư | Số 02/2014/TT-BVHTTDL ngày 14/5/2014 | Quy định hạn chế sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 25/2018/TT-BVHTTDL 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn | 15/11/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | khẩu, điện ảnh | hóa, Thể thao và Du lịch quy định việc hạn chế hình ảnh diễn viên sử dụng thuốc lá trong tác phẩm sân khấu, điện ảnh | |
| 11 | Thông tư | Số 17/2014/TT-BVHTTDL ngày 04/12/2014 | Quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 01/12/2018 |
| **LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO** | | | | | |
| **Văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ** | | | | | |
| 12 | Quyết định | Số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 | Về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ quy định về chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu | 24/12/2018 |
| 13 | Quyết định | Số 22/2014/QĐ-TTg ngày 13/3/2014 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bị thay thế bởi Quyết định số 21/2018/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 07/5/2018 |
| **Văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành** | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Thông tư liên tịch | Số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 07/11/2011 | Hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/7/2018 của Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao | 15/9/2018 |
| 15 | Thông tư liên tịch | Số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 | Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu | 24/12/2018 |
| 16 | Thông tư liên tịch | Số 06/2013/TTLT/BVHTTDL-BCA ngày 18/10/2013 | Quy định trang bị, quản lý, sử dụng vũ khí thể thao trong tập luyện và thi đấu thể thao | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2018/TT-BCA ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ | 01/7/2018 |
| 17 | Thông tư | Số 15/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Billards & Snooker | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 04/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Billards & Snooker | 15/3/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Thông tư | Số 16/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thể hình | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn chuyên môn đối với môn Thể dục thể hình và Fitness | 15/4/2018 |
| 19 | Thông tư | Số 17/2010/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2010 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động mô tô nước trên biển | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển | 01/6/2018 |
| 20 | Thông tư | Số 01/2011/TT-BVHTTDL ngày 06/01/2011 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động vũ đạo giải trí | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 12/2018/TT-BVHTTDL ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Vũ đạo thể thao giải trí | 23/3/2018 |
| 21 | Thông tư | Số 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/01/2011 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bơi, Lặn | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn | 10/3/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 22 | Thông tư | Số 03/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/01/2011 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Khiêu vũ thể thao | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 07/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Khiêu vũ thể thao | 25/3/2018 |
| 23 | Thông tư | Số 14/2011/TT-BVHTTDL ngày 09/11/2011 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động môn Võ cổ truyền và Vovinam | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 14/2018/TT-BVHTTDL ngày 9/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Võ cổ truyền, môn Vovinam | 25/4/2018 |
| 24 | Thông tư | Số 15/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/11/ 2011 | Quy định điều kiện về hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động quần vợt | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 19/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quần vợt | 15/5/2018 |
| 25 | Thông tư | Số 16/2011/TT-BVHTTDL ngày 14/11/2011 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động thể dục thẩm mỹ | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 08/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Thể dục thẩm mỹ | 15/3/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 26 | Thông tư | Số 19/2011/TT-BVHTTDL ngày 05/12/2011 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động dù lượn và diều bay có động cơ | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2018/TT-BVHTTDL ngày 30/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Dù lượn và môn Diều bay | 15/4/2018 |
| 27 | Thông tư | Số 20/2011/TT-BVHTTDL ngày 09/12/2011 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức tập luyện Quyền Anh | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 13/2018/TT-BVHTTDL ngày 08/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Quyền Anh | 25/3/2018 |
| 28 | Thông tư | Số 10/2012/TT-BVHTTDL ngày 29/11/2012 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Lân, Sư, Rồng | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 11/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lân, Sư, Rồng | 17/3/2018 |
| 29 | Thông tư | Số 11/2012/TT-BVHTTDL ngày 06/12/2012 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Judo | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 09/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Judo | 20/3/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 30 | Thông tư | Số 12/2012/TT-BVHTTDL ngày 10/12/2012 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bóng đá | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 18/2018/TT-BVHTTDL ngày 20/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng đá | 15/5/2018 |
| 31 | Thông tư | Số 13/2012/TT-BVHTTDL ngày 10/12/2012 | Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động bóng bàn | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 05/2018/TT-BVHTTDL ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bóng bàn | 05/3/2018 |
| 32 | Thông tư | Số 16/2012/TT-BVHTTDL ngày 13/12/2012 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Patin | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 20/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Patin | 15/5/2018 |
| 33 | Thông tư | Số 09/2013/TT-BVHTTDL ngày 26/11/2013 | Quy định điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Karatedo | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 02/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Karate | 05/3/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 34 | Thông tư | Số 06/2014/TT-BVHTTDL ngày 04/6/2014 | Quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bắn súng thể thao | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 31/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bắn súng thể thao | 15/12/2018 |
| 35 | Thông tư | Số 14/2014/TT-BVHTTDL ngày 10/11/2014 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở thể thao tổ chức hoạt động Bơi, Lặn | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Bơi, Lặn | 10/3/2018 |
| 36 | Thông tư | Số 14/2015/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2015 | Quy định về điều kiện chuyên môn của cơ sở tổ chức hoạt động lặn biển thể thao giải trí | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 21/2018/TT-BVHTTDL ngày 05/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thẻ thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | 01/6/2018 |
| **LĨNH VỰC DU LỊCH** | | | | | |
| **Văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ** | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 37 | Nghị định | Số 92/2007/NĐ-CP ngày 01/6/2007 | Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch | Bị thay thế bởi Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | 01/01/2018 |
| 38 | Nghị định | Số 180/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch | Bị thay thế bởi Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | 01/01/2018 |
| 39 | Quyết định | Số 23/2014/QĐ-TTg ngày 13/3/2014 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Du lịch trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 17/2018/QĐ-TTg ngày 30/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Du lịch trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 30/3/2018 |
| **LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHUNG** | | | | | |
| **Văn bản của Thủ tướng Chính phủ** | | | | | |
| 40 | Chỉ thị | Số 24/1998/CT-TTg ngày 19/6/1998 | Về việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn, ấp, cụm dân cư | Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước | 08/5/2018 |
| **Văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành** | | | | | |
| 41 | Quyết định | Số 80/2008/QĐ-BVHTTDL ngày | Về việc ban hành Quy chế | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT- | 01/12/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 10/9/2008 | thực hiện dân chủ trong hoạt động của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ VHTTDL | |
| **Tổng số (I): 41 văn bản** | | | | | |
| **II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có** | | | | | |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ TRƯỚC NGÀY 01/01/2018**

| STT | Tên loại văn bản | Số, kí hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản | Lý do hết hiệu lực | Ngày hết hiệu lực |
|---|---|---|---|---|---|
| **I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ** | | | | | |
| **LĨNH VỰC VĂN HÓA** | | | | | |
| **Văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành** | | | | | |
| 1 | Thông tư liên tịch | Số 10/2006/TTLT-BYT-BTM-BVHTT-UBDSGĐTE | Hướng dẫn thi hành Nghị định số 21/2006/NĐ-CP ngày 27/02/2006 của Chính phủ về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ | Nghị định số 21/2006/NĐ-CP ngày 27/02/2006 của Chính phủ bị thay thế bởi Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo | 01/3/2015 |
| **Tổng số (I): 01 văn bản** | | | | | |
| **II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ: Không có** | | | | | |

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH MỤC
## Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2018

*(Ban hành theo Quyết định số 252/QĐ-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

## A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2018

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung, quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---|---|---|---|---|---|
| **I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN** | | | | | |
| **LĨNH VỰC VĂN HÓA** | | | | | |
| **Văn bản của Chính phủ** | | | | | |
| 1 | Nghị định | Số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng | - Chương V | - Bị thay thế bởi Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội | 15/10/2018 |
| | | | - Khoản 2, 3 và 7 Điều 27.4 Điều 24. khoản 2, 4 và 6 Điều 30. khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 32. | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 9/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 09/10/2018 |
| 2 | Nghị định | Số 15/2016/NĐ-CP ngày 15/3/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số | - Bãi bỏ thành phần hồ sơ "- *01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác* | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số quy định | 9/10/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 79/2012/NĐ-CP ngày 05/10/2012 quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu | *giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;*" quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP<br>- Bãi bỏ thành phần hồ sơ "*đ) 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả;*" quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP | về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 3 | Nghị định | Số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại, đón tiếp khách nước ngoài | Điều 17 | - Bị thay thế bởi Nghị định số 111/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ quy định về ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày hưởng ứng của các bộ, ngành, địa phương | 15/10/2018 |
| 4 | Nghị định | Số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng. | Khoản 3 Điều 50 | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa"; "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa", "Ấp văn hóa", | 05/11/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | "Bản văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa" | |
| 5 | Nghị định | Số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa | - Điểm d khoản 1 Điều 25. | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 09/10/2018 |
| 6 | Nghị định | Số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh | - Khoản 1 và 3 Điều 4<br>- Điểm e khoản 1 Điều 6 | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 09/10/2018 |
| **Văn bản của thủ tướng Chính phủ** | | | | | |
| 7 | Quyết định | Số 308/2005/QĐ-TTg ngày 25/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội | Các quy định về tổ chức lễ hội tại Mục 3, Chương 2 | Bị thay thế bởi Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội | 15/10/2018 |
| **Văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành** | | | | | |
| 8 | Thông tư | Số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, | - Điều 6<br>- Bãi bỏ các mẫu giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm (BM.GP), mẫu biên bản giám định, mẫu niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu (BM.BBGĐ), mẫu | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 22/2018/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2012/TT-BVHTTDL ngày 16/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, | 15/8/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh | đơn đề nghị cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm (BM.NK), mẫu đơn đề nghị giám định văn hóa phẩm xuất khẩu (BM.GĐ), mẫu niêm phong văn hóa (BM.NP) | Thể thao và Du lịch hướng dẫn Nghị định số 32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh. | |
| 9 | Quyết định | Số 24/2000/QĐ-BVHTT ngày 28/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin về thời hạn một số loại giấy phép | Khoản 1; nội dung tại các gạch đầu dòng thứ nhất, thứ ba, thứ tư và thứ năm khoản 2 Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 01/12/2018 |
| 10 | Thông tư | Số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội | Điểm c khoản 1 Điều 6; Điểm h khoản 1 Điều 10 và Mục 3 | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 30/2018/TT-BVHTTDL ngày 03/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 01/12/2018 |
| 11 | Thông tư | Số 10/2013/TT-BVHTTDL ngày 6/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quảng cáo và | Bãi bỏ cụm từ "*Tài liệu gửi kèm bao gồm: Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp*" *trong mẫu Đơn đề nghị sửa đổi,* | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 35/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/11/2018 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT- | 15/01/2019 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo | *bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài*" tại Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL | BVHTTDL, Thông tư số 10/2013/TT-BVHTTDL, Thông tư số 11/2014/TT-BVHTTDL và Thông tư số 04/2016/TT-BVHTTDL | |
| **LĨNH VỰC THỂ DỤC, THỂ THAO** | | | | | |
| **Văn bản của Quốc hội** | | | | | |
| 12 | Luật | Số 77/2006/QH11 ngày 29/11/2006 | Điều 79 | Bị bãi bỏ bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thể dục, thể thao số 26/2018/QH14 ngày 14/6/2018 | 01/01/2019 |
| **Văn bản của Chính phủ** | | | | | |
| 13 | Nghị định | Số 106/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | - Điểm b khoản 1 Điều 5<br>- Khoản 2 Điều 7 | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của chính phủ về sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | 9/10/2018 |
| **Văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành** | | | | | |
| 14 | Thông tư | Số 19/2014/TT-BVHTTDL ngày 08/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL, Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL, Thông tư số | Điều 2 | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 17/2018/TT-BVHTTDL ngày 16/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị và tập huấn nhân viên chuyên môn đối với môn Mô tô nước trên biển | 29/4/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 03/2013/TT-BVHTTDL | | | |
| **LĨNH VỰC DU LỊCH** | | | | | |
| **Văn bản của Chính phủ** | | | | | |
| 15 | Nghị định | Số 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Khoản 4 Điều 2 | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | 01/01/2018 |
| 16 | Nghị định | Số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | - Khoản 1 và 7 Điều 22<br>- Khoản 2 Điều 24<br>- Các khoản 1, 2 và 5 Điều 25<br>- Khoản 1 Điều 26<br>- Khoản 1 và 4 Điều 27<br>- Khoản 2 và 5 Điều 28 | Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 09/10/2018 |
| **Văn bản của Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành, liên tịch ban hành** | | | | | |
| 17 | Thông tư | Số 19/2014/TT-BVHTTDL ngày 08/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL, Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL và Thông tư số 03/2013/TT- | Điều 1 | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 17/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | 01/02/2018 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | BVHTTDL | | | |
| 18 | Thông tư | Số 04/2016/TT-BVHTTDL ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2012/TT-BVHTTDL, Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL và Thông tư số 05/2013/TT-BVHTTDL | Điều 3 | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | 01/02/2018 |
| **LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHUNG** | | | | | |
| **Văn bản do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành** | | | | | |
| 19 | Thông tư | Số 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | - Mục VII Điều 1<br>- Mục VII Điều 2 | Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch | 01/02/2018 |
| **Tổng số (I): 19 văn bản** | | | | | |
| **II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có** | | | | | |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2018: Không có**